

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã 06 tháng năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 133/2025/TT-BTC, ngày 24/12/2025 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Số 26/2026/TT-BTC, ngày 25/3/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã An Khánh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã An Khánh năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã An Khánh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã An Khánh 06 tháng năm 2026, cụ thể như sau:

(Có thuyết minh tình hình thực hiện và biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phòng Văn hóa - Xã hội xã thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã 06 tháng năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã; Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Văn Toàn

Phụ lục I
THUYẾT MINH CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
06 THÁNG NĂM 2026 XÃ AN KHÁNH

(Kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã An Khánh)

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã 06 tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, UBND xã An Khánh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 06 tháng năm 2026 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 23.415.670.848 đồng, trong đó:
 - Thu nội địa: 23.415.670.848 đồng;
2. Tổng thu ngân sách địa phương: 106.490.227.283 đồng, trong đó:
 - Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 21.606.662.059 đồng;
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 76.300.970.782 đồng;
 - Thu các khoản huy động, đóng góp: 900.000.000 đồng;
 - Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 7.682.594.442 đồng;
3. Tổng chi ngân sách xã: 58.120.847.374 đồng, trong đó:
 - Chi cân đối ngân sách địa phương: 58.120.847.374 đồng.

II. Thực hiện thu NSNN 06 tháng năm 2026

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn xã: 23.415.670.848 đồng, cụ thể như sau:
 - Thu nội địa: 23.415.670.848 đồng, trong đó:
 - + Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 1.141.911 đồng
 - + Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 7.814.887.262 đồng;
 - + Thuế thu nhập cá nhân: 1.528.158.108 đồng;
 - + Lệ phí trước bạ: 5.318.116.748 đồng.
 - + Các loại phí, lệ phí: 135.348.000 đồng;
 - + Các khoản thu về nhà, đất: 8.335.365.553 đồng;
 - + Thu khác ngân sách: 282.653.266 đồng.
2. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 21.606.662.059 đồng, trong đó:

- + Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP: 8.337.351.260 đồng;
- + Các khoản thu NSDP hưởng 100%: 13.269.310.799 đồng.

II. Ước thực hiện chi NSNN 06 tháng năm 2026

Tổng chi ngân sách xã: 58.120.847.374 đồng, cụ thể như sau:

- Chi cân đối ngân sách địa phương: 58.120.847.374 đồng, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển: 84.744.810 đồng.
 - + Chi thường xuyên: 75.685.085.564 đồng (*trong đó chi cho giáo dục, đào tạo: 29.456.789.513 đồng*).

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 06 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã An Khánh)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 06 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 06 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	47.141.000.000	14.943.751.823	23.415.670.848	50	
1	Thu nội địa không kể dầu thô	47.141.000.000	14.943.751.823	23.415.670.848	50	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	133.659.000.000	55.594.155.106	106.490.227.283	80	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	42.092.000.000	14.034.683.324	21.606.662.059	51	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	15.866.000.000	9.235.452.083	13.269.310.799	84	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	26.226.000.000	4.799.231.241	8.337.351.260	32	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	91.567.000.000	40.659.471.782	76.300.970.782	83	
1	Bổ sung cân đối	42.899.000.000		21.240.000.000	50	
2	Bổ sung có mục tiêu	48.668.000.000	40.659.471.782	55.060.970.782	113	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			7.682.594.442		
V	Các khoản huy động đóng góp		900.000.000	900.000.000		
C	TỔNG CHI NSDP	133.659.000.000	30.987.504.719	58.120.847.374	43	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	133.659.000.000	30.987.504.719	58.120.847.374	43	
1	Chi đầu tư phát triển	2.229.000.000	84.744.810	84.744.810	4	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	129.313.000.000	30.902.759.909	57.685.085.564	45	
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 06 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 06 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	2.117.000.000		351.017.000	17	
8	Chi từ 10% trích từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					
11	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 06 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã An Khánh)

DVT: Đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 06 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 06 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	47.141.000.000	14.943.751.823	23.415.670.848	50	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	47.141.000.000	14.943.751.823	23.415.670.848	50	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	65.000.000	693.637	1.141.911	2	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7.670.000.000	5.743.498.353	7.814.887.262	102	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.185.000.000	679.621.400	1.528.158.108	70	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
6	Các loại phí, lệ phí	6.261.000.000	3.464.043.334	5.453.464.748	87	
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	<i>5.661.000.000</i>	<i>3.409.435.334</i>	<i>5.318.116.748</i>	<i>94</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	30.450.000.000	4.947.377.860	8.335.365.553	27	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>150.000.000</i>	<i>82.518.396</i>	<i>136.306.789</i>	<i>91</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>3.596.136.964</i>	<i>3.596.136.964</i>	<i>12</i>	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>300.000.000</i>	<i>1.268.722.500</i>	<i>4.602.921.800</i>	<i>1534</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực					



ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 06 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 06 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
12	Thu khác ngân sách	310.000.000	108.517.239	282.653.266	91	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	200.000.000			0	
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	<i>Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 06 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã An Khánh)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 06 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế 06 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG SỐ	133.545.000.000	30.987.504.719	58.120.847.374	44	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	133.545.000.000	30.987.504.719	58.120.847.374	44	
I	Chi đầu tư phát triển	2.115.000.000	84.744.810	84.744.810	4	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2.229.000.000	84.744.810	84.744.810	4	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	129.313.000.000	30.902.759.909	57.685.085.564	45	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	62.376.000.000	15.669.801.316	29.456.789.513	47	
	- Chi khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	543.600.000				
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.117.000.000		351.017.000	17	
VII I	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Chi từ 10% trích từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					